

Số: 1765 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 15 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình:
Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thanh Lương, thị xã Bình Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06/02/2013 của Chính phủ quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 26/2009/QĐ-UBND ngày 29/6/2009 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 938/TTr - SKHĐT ngày 06/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật xây dựng công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, nội dung cụ thể như sau:

1. Tên công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thanh Lương, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Phước.

3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Công ty TNHH Xây dựng Hồng Long.

4. Chủ nhiệm lập dự án: KS. Đặng Minh Tiến.

5. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng công trình nhằm cung cấp nước sinh hoạt đạt tiêu chuẩn nước sạch cho khoảng 6.020 người dân sinh sống dọc hai bên Quốc lộ 13 và các cơ quan, đơn vị hành chính, công sở, trường học, trạm y tế... trên địa bàn xã Thanh Lương, thị xã Bình Long sau khi dự án hoàn thành đưa vào sử dụng, khai thác. Góp phần nâng cao tỷ lệ người dân sử dụng nước sạch hợp vệ sinh theo Quy chuẩn quốc gia, cải thiện môi trường sống, tình trạng sức khỏe cho người lao động, giúp người dân an tâm sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần, từng bước làm thay đổi bộ mặt nông thôn. Đồng thời tạo tập quán sử dụng nước sạch của người dân, nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của nhân dân trong công tác quản lý và bảo vệ tài nguyên nước.

6. Nội dung, quy mô đầu tư, công suất thiết kế:

6.1. Nội dung và quy mô đầu tư: Công trình gồm những hạng mục:

a) Bể chứa nước sạch và trạm bơm:

- Bể chứa nước sạch: Bể chứa có dung tích 150m^3 , kích thước $7,4\text{m} \times 7,4\text{m} \times 3,7\text{m}$; kết cấu bể bằng bê tông cốt thép M250.

- Trạm bơm: Sử dụng 04 bơm chìm, trong đó: 03 bơm chìm, công suất mỗi bơm $Q = 25\text{m}^3/\text{h}$, cột nước $H = 50\text{m}$, công suất động cơ $N = 4,5\text{kW}$; 01 bơm có công suất $Q = 30\text{m}^3/\text{h}$, cột nước $H = 50\text{m}$, công suất động cơ $N = 5,3\text{kW}$.

b) Tuyến đường nước thô: Lắp đặt tuyến đầu nối dẫn nước từ đường ống nhà máy xi măng Bình Phước về bể chứa, sử dụng ống PVC đường kính $\Phi 220 \times 8,7\text{mm}$, chiều dài 319m.

c) Mạng đường ống nước sạch: Tuyến đường ống nước sạch được lắp đặt hai bên hành lang đường Quốc lộ 13 và một số đường hẻm vào khu dân cư. Tổng chiều dài tuyến ống nước sạch là 8.644m, gồm các loại như sau:

- Ống PVC $\Phi 49 \times 2,3\text{mm}$:	512m.
- Ống PVC $\Phi 60 \times 2,9\text{mm}$:	1.502m.
- Ống PVC $\Phi 90 \times 4,3\text{mm}$:	1.412m.
- Ống PVC $\Phi 114 \times 4,9\text{mm}$:	2.540m.
- Ống PVC $\Phi 168 \times 7,0\text{mm}$:	2.678m.

d) Hạ tầng kỹ thuật khu nhà trạm:

- San lấp mặt bằng khu nhà trạm tổng diện tích 391m^2 ; sân khu nhà trạm bề mặt bằng vữa xi măng dày 2cm M100 và đường vào khu nhà trạm diện tích 413m^2 ; lắp đặt hệ thống đường ống kỹ thuật hệ thống bơm cấp II.

- Cổng, tường rào: Tường rào bao quanh khu nhà trạm dài 82,1m, cao 2,2m. Trong đó tường rào xây gạch dài 55,5m; tường rào xây kết hợp với song sắt hộp và cổng dài 26,6m.

e) Nhà quản lý: Nhà quản lý có diện tích $40,6\text{m}^2$; kết cấu: Móng, cột bằng bê tông cốt thép đá 10×20 , M200, tường xây gạch ống; Hoàn thiện: Mái lợp tôn, nền lát gạch ceramic, tường sơn nước.

f) Hệ thống điện: Điện trung thế 3 pha, chiều dài khoảng 100m; 01 trạm biến áp 3 pha ($3 \times 15\text{KVA}$); lắp đặt tủ điện; hệ thống đường dây điện động lực, điều khiển và điện chiếu sáng cho khu nhà trạm.

6.2. Công suất thiết kế: $880\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

7. Địa điểm xây dựng: Xã Thanh Lương, thị xã Bình Long.

8. Diện tích sử dụng đất: Tuyến ống và trạm xử lý chiếm diện tích khoảng 0,5ha.

9. Loại, cấp công trình: Công trình hạ tầng kỹ thuật (cấp nước), cấp IV.

10. Phương án xây dựng: Xây dựng mới.

11. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Khu đất xây dựng hạng nhà trạm thuộc đất công do UBND xã Thanh Lương quản lý. Tuyến ống nước dọc theo hai bên đường Quốc lộ 13 và đường hẻm khu dân cư xã Thanh Lương thuộc phạm vi hành lang lộ giới và một phần đi trên đất của các hộ dân có diện tích không đáng kể, thi công hoàn thành đến đâu sẽ tiến hành hoàn trả mặt bằng đến đó.

Công trình cấp nước chủ yếu phục vụ dân sinh, nhà nước và nhân dân cùng làm, việc giải phóng mặt bằng được UBND xã cam kết phối hợp với chủ đầu tư vận động hộ dân dọc tuyến ống đi qua cùng thực hiện và không tính chi phí giải tỏa đền bù, không có hộ dân nào mất đất nên không phải bố trí tái định cư.

12. Tổng mức đầu tư: **11.984.777.503** đồng

Trong đó:

- Chi phí xây dựng: 9.688.420.798 đồng
- Chi phí thiết bị: 251.770.997 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 123.043.600 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 729.427.725 đồng
- Chi phí khác: 129.347.935 đồng
- Chi phí dự phòng: 1.062.766.448 đồng

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, vốn phòng chống khắc phục hậu quả hạn hán và vốn do nhân dân đóng góp. Trong đó:

- Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, vốn phòng chống khắc phục hậu quả hạn hán 8.297.008.035 đồng (chiếm 69%).

- Vốn do nhân dân đóng góp: 3.687.769.468 đồng, (chiếm 31%).

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2014 - 2016.

16. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Bảng kế hoạch lựa chọn nhà thầu kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Sở Nông nghiệp và PTNT là chủ đầu tư có trách nhiệm triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung được phê duyệt tại Điều 1.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Kho bạc Nhà nước Bình Phước; Chủ tịch UBND thị xã Bình Long, Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, Phòng KTTH, KTN;
- Lưu: VT (nghĩa: 13.8). 8A



KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Công trình: Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thanh Lương, thị xã Bình Long
(Kèm theo Quyết định số 1765/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên và nội dung gói thầu	Giá gói thầu (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức đấu thầu	Thời gian lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
I	Xây lắp		Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và vốn phòng chống khắc phục hậu quả hạn hán.					
1	Xây dựng và lắp đặt thiết bị công trình Cấp nước sinh hoạt tập trung xã Thanh Lương, thị xã Bình Long	6.262.422.327		Đấu thầu rộng rãi trong nước	Một giai đoạn một túi hồ sơ	Năm 2014	Trọn gói	270 ngày
II	Dịch vụ phi tư vấn							
1	Bảo hiểm xây lắp	21.822.708		Chỉ định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công
III	Dịch vụ tư vấn							
1	Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp	17.941.257		Chỉ định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	50 ngày
2	Thẩm định hồ sơ mời thầu	3.131.211		Tự thực hiện	-	Năm 2014		15 ngày
3	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	3.131.211	Tự thực hiện	-	Năm 2014		15 ngày	
4	Giám sát thi công gói thầu xây lắp	126.488.322	Chỉ định thầu	-	Năm 2014	Trọn gói	Theo thời gian thi công	

Ghi chú:

Trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư phải điều chỉnh dự toán công trình, trong đó: Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu tính theo Khoản 3 Điều 9 Nghị định 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ.